CÔNG TY CỔ PHẦN FORMACH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tháng 12 năm 2017

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Formach (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị gồm:

Ông Phạm Thế Vinh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Khoa	Ủy viên
Ông Nguyễn Đăng Văn	Ủy viên
Ông Trần Công Bình	Ủy viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Văn Cường	Tổng Giám đốc
Ông Trần Công Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thư Anh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Phạm Văn Cường
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 09 tháng 12 năm 2017

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tầng 12A tòa nhà Tổng Công ty 319, số 63 Lê Văn Lương
phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (84-4) 3577 0781/ Fax: (84-4) 3577 0787
W: www.vaco.com.vn/ E: vacohn@vaco.com.vn

Số: 360 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Cổ phần Formach

Kính gửi: **Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Formach

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Formach (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 09/12/2017, từ trang 04 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "Báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty đã gửi thư xác nhận các khoản công nợ phải thu khách hàng, người mua trả tiền trước, phải trả người bán, trả trước cho người bán tại ngày 31/12/2016, tuy nhiên chưa nhận được đầy đủ các thư xác nhận này gửi về. Tại ngày phát hành báo cáo này, số dư các khoản công nợ phải thu khách hàng, người mua trả tiền trước, phải trả người bán, trả trước cho người bán chưa được đối chiếu tương ứng là 11.558.723.969 đồng, 4.330.494.077 đồng, 9.017.899.337 đồng và 8.846.400.184 đồng, chiếm 33,47% giá trị tổng tài sản tại ngày 31/12/2016 của Công ty.

Chúng tôi không thể tham gia kiểm kê sản phẩm dở dang tương ứng giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty tại ngày 31/12/2016 là 7.960.993.535 đồng. Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế, do đó chúng tôi không đưa ý kiến về tính hiện hữu của khoản mục này tại ngày 31/12/2016, cũng như ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề trên đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.

Do ảnh hưởng của việc trích lập thiếu giá trị dự phòng nợ phải thu khó đòi từ các năm trước dẫn đến khoản lỗ luỹ kế tại ngày 31/12/2016 đang ghi nhận thiếu tương ứng giá trị dự phòng phải thu khó đòi chưa trích đủ là 5.749.758.239 đồng. Đồng thời, Công ty chưa trích đầy đủ khấu hao đối với một số tài sản cố định của nguyên giá là 1.968.744.777 đồng. Nếu trích đủ các khoản chi phí này, thì lỗ luỹ kế tại ngày 31/12/2016 của Công ty sẽ tăng lên với tổng giá trị là 7.718.503.016 đồng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

M.S.D.N: 0102646856 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Lê Xuân Thắng
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0043-2016-156-1

Chử Mạnh Hoan
Kiểm toán viên
Giấy CN-ĐKHN kiểm toán số: 1403-2013-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 09 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**46.656.828.802**	**48.258.297.318**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**4.551.331.913**	**3.123.897.235**
1. Tiền	111		4.551.331.913	3.123.897.235
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**31.247.709.182**	**36.148.690.366**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	13.735.579.157	21.317.272.322
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	8.846.400.184	8.704.300.184
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	20.887.875.031	17.865.683.036
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(12.222.145.190)	(11.738.565.176)
III. Hàng tồn kho	**140**		**10.291.675.406**	**8.925.315.017**
1. Hàng tồn kho	141	10	10.298.913.323	8.932.552.934
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.237.917)	(7.237.917)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**566.112.301**	**60.394.700**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14	431.535.460	4.405.460
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		134.576.841	55.989.240
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**17.681.742.249**	**20.554.780.959**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**42.027.996**	**122.936.100**
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	42.027.996	122.936.100
II. Tài sản cố định	**220**		**9.805.121.687**	**10.560.565.740**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	9.802.355.687	10.552.469.740
- Nguyên giá	*222*		*35.033.067.879*	*34.793.629.903*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(25.230.712.192)*	*(24.241.160.163)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	2.766.000	8.096.000
- Nguyên giá	*228*		*62.706.000*	*62.706.000*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(59.940.000)*	*(54.610.000)*
III. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**7.253.160.226**	**7.253.160.226**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	7.253.160.226	7.253.160.226
IV. Tài sản dài hạn khác	**260**		**581.432.340**	**2.618.118.893**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	581.432.340	2.618.118.893
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**64.338.571.051**	**68.813.078.277**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**63.080.977.610**	**67.558.048.063**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**42.351.342.610**	**46.132.879.739**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	9.271.586.837	12.387.541.812
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	4.964.094.077	1.925.189.286
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	13.831.510.841	19.724.582.445
4. Phải trả người lao động	314		1.223.255.154	609.640.297
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		308.488.770	275.665.678
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	8.261.442.891	7.048.196.621
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	4.474.524.851	4.145.624.412
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		16.439.189	16.439.188
II. Nợ dài hạn	**330**		**20.729.635.000**	**21.425.168.324**
1. Phải trả dài hạn khác	337	18	20.729.635.000	21.425.168.324
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**1.257.593.441**	**1.255.030.214**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	20	**875.093.441**	**872.530.214**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		13.044.600.000	13.044.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*13.044.600.000*	*13.044.600.000*
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.587.517.659	1.587.517.659
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(13.757.024.218)	(13.759.587.445)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		**382.500.000**	**382.500.000**
1. Nguồn kinh phí	431		382.500.000	382.500.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**64.338.571.051**	**68.813.078.277**

Phạm Văn Cường	**Lê Thị Thu Loan**	**Hoàng Thị Thái Thanh**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

Hà Nội, ngày 09 tháng 12 năm 2017

M.S.D.N: 0100102809 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN FORMACH - H.THANH TRÌ - TP.HÀ NỘI

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**		**51.734.531.718**	**47.266.515.115**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		43.440.000	40.505.777
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	**10**	**21**	**51.691.091.718**	**47.226.009.338**
4. Giá vốn hàng bán	11	22	49.002.669.701	45.882.108.441
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	**20**		**2.688.422.017**	**1.343.900.897**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	53.880.531	19.463.244
7. Chi phí tài chính	22	26	624.965.097	88.873.986
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*624.965.097*	*88.873.986*
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	1.963.657.610	1.484.797.176
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	**30**		**153.679.841**	**(210.307.021)**
10. Thu nhập khác	31		23.452.378	12.553.307
11. Chi phí khác	32		169.026.288	1.138.329.328
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**(145.573.910)**	**(1.125.776.021)**
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**8.105.931**	**(1.336.083.042)**
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	**60**		**8.105.931**	**(1.336.083.042)**
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		6	(1.161)

Phạm Văn Cường	**Lê Thị Thu Loan**	**Hoàng Thị Thái Thanh**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

Hà Nội, ngày 09 tháng 12 năm 2017

M.S.D.N: 0100102809 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN FORMACH H.THANH TRÌ - TP.HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN FORMACH
Thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B03-DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	***01***	***8.105.931***	***(1.336.083.042)***
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	994.882.029	1.018.060.084
- Các khoản dự phòng	03	483.580.014	269.811.465
- (Lãi)/ Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(53.880.531)	(19.463.244)
- Chi phí lãi vay	06	624.965.097	88.873.986
3. Lợi nhuận/ (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***	***2.057.652.540***	***21.199.249***
- (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	09	5.838.813.569	(1.399.565.566)
- (Tăng)/ Giảm hàng tồn kho	10	(1.471.261.456)	3.090.506.662
- Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(4.967.477.591)	(3.624.835.109)
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	1.609.556.553	(814.544.668)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(534.675.197)	(88.873.986)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(41.461.814)	(18.828.129)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	172.374.375
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.419.091.896)	(1.380.296)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***1.072.054.708***	***(2.663.947.468)***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(27.401.000)	(383.272.874)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	118.935.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	53.880.531	19.463.244
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***26.479.531***	***(244.874.630)***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.157.524.851	3.628.624.412
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(5.828.624.412)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***328.900.439***	***3.628.624.412***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	**50**	**1.427.434.678**	**719.802.314**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**3.123.897.235**	**2.404.094.921**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	**70**	**4.551.331.913**	**3.123.897.235**

Phạm Văn Cường
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 09 tháng 12 năm 2017

Lê Thị Thu Loan
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Thái Thanh
Người lập biểu

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Formach là doanh nghiệp được thành lập theo quyết định số 595/QĐ/BNN-TCCB do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ký ngày 23 tháng 2 năm 2001.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100102809, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 18 tháng 8 năm 2015 Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ là 13.044.600.000 VND.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Thiết kế chế tạo các máy chế biến gỗ, máy lâm nghiệp, thiết bị nâng hạ, chuyển tải, các sản phẩm cơ khí phục vụ ngành lâm nghiệp và các ngành kinh tế khác;
- Sản xuất kết cấu thép, lắp dựng nhà xưởng và thiết bị, sản xuất vật liệu xây dựng, cán kéo thép, lắp ráp ô tô, xe máy;
- Chế biến gỗ và làm các lâm sản khác, dịch vụ xăng dầu, cung cấp vật tư, kỹ thuật, thiết bị phục vụ cho các ngành kinh tế quốc dân;
- Xây lắp thi công các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông nông thôn và lâm nghiệp, các công trình thủy lợi và thủy điện nhỏ, các loại đường bán thấm nhựa;
- Xuất khẩu các sản phẩm nông lâm hải sản, sản phẩm cơ khí và thủ công mỹ nghệ;
- Nhập khẩu: Vật tư máy móc thiết bị, phụ tùng phục vụ cho sản xuất và chế biến lâm nông sản và cơ khí, phương tiện vận tải và hàng tiêu dùng;
- Dịch vụ ăn uống, vui chơi giải trí, thể dục thể thao; Kinh doanh văn phòng, kho bãi, xây dựng đường dây tải điện và trạm biến áp có cấp điện áp từ 35KV trở xuống;
- Xây dựng thi công các công trình cấp thoát nước, phòng cháy chữa cháy và điện lạnh;
- Chế tạo phụ tùng xe máy, bảo dưỡng và dịch vụ bán hàng xe máy. Kinh doanh hóa chất dùng trong ngành thực phẩm, mỹ phẩm và các ngành công nghiệp khác (trừ các hóa chất Nhà nước cấm);
- Chế tạo, lắp đặt và chuyển giao công nghệ, thiết bị xử lý và bảo vệ môi trường. Đóng mới các loại thùng xe tải và xe chuyên dùng;
- Lắp đặt các thiết vị nâng hạ trên phương tiện giao thông: sửa chữa, phục hồi, hoán cải các phương tiện cơ giới đường bộ;
- Và một số ngành nghề đăng ký kinh doanh khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có vấn đề biến động lớn nào được đánh giá là có ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ lập báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Hình thức kế toán áp dụng

Chứng từ ghi sổ bằng phần mềm trên máy vi tính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các văn bản hướng dẫn.

Các bên liên quan

Các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp. Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng ước tính (Số năm)
Nhà xưởng và xật kiến trúc	10 - 30
Máy móc thiết bị	08 - 15
Phương tiện vận tải	05 - 15
Thiết bị quản lý	05 - 08

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là trang web của công ty được khấu hao trong 5 năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản sửa chữa lớn nhà máy và một số tài sản nhưng không làm tăng nguyên giá của Tài sản; Giá trị còn lại của các tài sản không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 được phân bổ không quá 3 năm; Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ hai đến ba năm.

Nợ phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của Chủ sở hữu.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Doanh thu (Tiếp theo)

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	320.261.993	680.739.943
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.231.069.920	2.443.157.292
Cộng	**4.551.331.913**	**3.123.897.235**

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	***13.735.579.157***	***21.317.272.322***
Công ty xi măng Hoàng Thạch	1.602.741.379	6.034.043.192
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	444.751.425	444.751.425
Công ty Cổ phần công nghiệp E Nhất	387.566.035	237.416.035
Công ty cổ phần Galax - Chi nhánh Nghệ An	968.629.605	404.760.355
Công ty CP Đầu tư XDTM DV tổng hợp Thanh Bình	349.272.000	870.750.000
Công ty cổ phần mía đường Sông Con	872.756.500	649.044.000
Công ty Xây dựng Kinh doanh Nhà Tín Nghĩa	707.642.543	707.642.543
Công ty Cổ phần mía đường Lam Sơn	375.838.660	1.411.466.400
Công ty cơ khí Thương mại Quang Thắng	361.900.000	349.563.500
Công ty VIWASEEN	465.938.231	715.938.231
Đối tượng khác	7.198.542.779	9.491.896.641

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
	8.846.400.184	***8.704.300.184***
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Dự án gỗ Campuchia	4.669.364.666	4.669.364.666
Công ty Tây Nam-K.LTD (Gỗ Campuchia)	3.639.760.746	3.639.760.746
Công ty TNHH Miko	166.100.000	-
Công ty GATIRICA	104.369.000	104.369.000
DNTN XN cơ khí Long Quân	100.000.000	100.000.000
Các đối tượng khác	166.805.772	190.805.772

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	***20.887.875.031***	***17.865.683.036***
- Ký cược, ký quỹ	1.500.000.000	-
- Phải thu Công ty TNHH Kinh Đô	14.960.944.560	12.804.234.126
- Cổ tức chi vượt phải thu lại	1.051.629.867	1.051.629.867
- Phải thu người lao động;	1.306.735.618	1.185.176.310
- Phải thu khác	2.068.564.986	2.824.642.733
Nguyễn Bá Nghĩa	*635.642.148*	*635.642.148*
XN Xây Lắp	*548.492.773*	*548.492.773*
Võ Văn Nhân	*125.080.386*	*125.080.386*
XN Lâm Sản	*100.846.434*	*100.846.434*
Trần Ngọc Quỳnh	*481.916.021*	*481.916.021*
Phải thu khác	*176.587.224*	*932.664.971*
b) Dài hạn	**42.027.996**	**122.936.100**
- Ký cược, ký quỹ	42.027.996	122.936.100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm		Thời gian quá hạn
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
	VND	VND	VND	VND	
Công ty Tây Nam-K.LTD	3.639.760.746	-	3.639.760.746	-	Trên 03 năm
Nhà máy đường Nông Cống	172.443.000	-	-	-	Trên 03 năm
Công ty TNHH Thành Công	217.816.821	-	-	-	Trên 03 năm
Công ty lắp máy xây dựng số 3	286.089.881	-	-	-	Trên 03 năm
Tổng cục kỹ thuật Xí nghiệp Z45	-	-	242.700.500	-	Trên 03 năm
Công ty CPTM Tín Nghĩa	707.642.543	-	-	-	Trên 03 năm
Công ty KDPT Nhà Hà Nội	206.957.191	-	-	-	Trên 03 năm
Các đối tượng khác	6.991.435.008	-	7.856.103.930	-	Trên 03 năm
Cộng	**12.222.145.190**	**-**	**11.738.565.176**	**-**	

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.737.129.327	-	1.702.110.168	-
Công cụ, dụng cụ	8.930.476	(7.237.917)	8.930.476	(7.237.917)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.960.993.535	-	6.629.652.305	-
Thành phẩm	591.859.985	-	591.859.985	-
Cộng	**10.298.913.323**	**(7.237.917)**	**8.932.552.934**	**(7.237.917)**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	**18.904.043.340**	**11.606.131.464**	**2.138.015.453**	**376.069.610**	**1.769.370.036**	**34.793.629.903**
Mua trong năm	239.437.976	-	-	-	-	239.437.976
Số dư cuối năm	**19.143.481.316**	**11.606.131.464**	**2.138.015.453**	**376.069.610**	**1.769.370.036**	**35.033.067.879**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ						
Số dư đầu năm	**11.521.883.234**	**10.446.434.906**	**1.808.833.030**	**353.841.110**	**110.167.884**	**24.241.160.163**
Khấu hao trong năm	585.189.022	332.968.290	65.837.592	5.557.125	-	989.552.029
Số dư cuối năm	**12.107.072.256**	**10.779.403.196**	**1.874.670.621**	**359.398.235**	**110.167.884**	**25.230.712.192**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư đầu năm	**7.382.160.106**	**1.159.696.558**	**329.182.423**	**22.228.500**	**1.659.202.153**	**10.552.469.740**
Số dư cuối năm	**7.036.409.060**	**826.728.268**	**263.344.832**	**16.671.375**	**1.659.202.153**	**9.802.355.687**

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 15.725.655.191 VND (số tại 31/12/2015 là 16.031.707.701 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định mang đi thế chấp là 736.728.368 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm tin học	Tổng cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	**62.706.000**	**62.706.000**
- Mua trong năm	-	-
Số dư cuối năm	**62.706.000**	**62.706.000**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ		
Số dư đầu năm	**54.610.000**	**54.610.000**
- Khấu hao trong năm	5.330.000	5.330.000
Số dư cuối năm	**59.940.000**	**59.940.000**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu năm	**8.096.000**	**8.096.000**
Số dư cuối năm	**2.766.000**	**2.766.000**

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Dự án 102 đường Trường Chinh	7.253.160.226	-	7.253.160.226	-
Cộng	**7.253.160.226**	-	**7.253.160.226**	-

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	***431.535.460***	***4.405.460***
Công cụ, dụng cụ xuất dùng (dưới 12 tháng)	-	4.405.460
Các khoản khác	431.535.460	-
b) Dài hạn	***581.432.340***	***2.618.118.893***
Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng	-	840.756.281
Công cụ dụng cụ xuất dùng (trên 12 tháng)	52.988.793	205.193.040
Các khoản khác	528.443.547	1.572.169.572

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	***9.271.586.837***	***9.271.586.837***	***12.387.541.812***	***12.387.541.812***
Công ty CP mỏ đá và VLXD	1.602.741.381	1.602.741.381	5.859.282.658	5.859.282.658
Công ty CP TM Hải Anh (TBN)	563.249.580	563.249.580	563.249.580	563.249.580
Công ty XNK & Đầu tư xây dựng Hà Nội	496.319.797	496.319.797	496.319.797	496.319.797
Công ty TNHH SX và thương mại thép Thoan Nga	131.528.268	131.528.268	-	-
Công ty TNHH HTH Hà Nội	218.394.550	218.394.550	263.654.043	263.654.043
Công ty TNHH SX DV và TM Thịnh Linh	1.052.674.480	1.052.674.480	669.280.350	669.280.350
Công ty TNHH SX XNK Thanh Bình	399.824.785	399.824.785	131.014.613	131.014.613
Công ty CP cơ khí công nghệ Hoàng Long	390.720.000	390.720.000	-	-
Công ty CP công nghiệp E Nhất	186.630.550	186.630.550	186.630.550	186.630.550
Doanh nghiệp tư nhân Kiều Gia	162.106.100	162.106.100	166.176.100	166.176.100
Công ty điện lực Thanh trì	156.992.390	156.992.390	45.462.800	45.462.800
Nguyễn Bá Nghĩa	152.733.746	152.733.746	152.733.746	152.733.746
Phải trả cho các đối tượng khác	3.757.671.210	3.757.671.210	3.853.737.575	3.853.737.575

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
	4.964.094.077	***1.925.189.286***
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Công ty TM tư vấn và đầu tư (Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần)	633.600.000	-
Công ty TNHH Trung Thành	550.000.000	550.000.000
Công ty TNHH SX và TM TBCN Việt Nhật	312.274.000	-
Công ty TNHH TM XD & vận tải Duy Mạnh	308.709.698	217.349.495
Công ty CP Việt nam ATZ	222.605.000	222.605.000
Các đối tượng khác	2.936.905.379	935.234.791

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	239.711.162	2.448.758.048	2.676.178.464	12.290.746
Thuế thu nhập doanh nghiệp	751.685.647	-	41.461.814	710.223.833
Thuế thu nhập cá nhân	37.360.979	61.717.773	41.170.146	57.908.606
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	11.899.918.603	7.146.271.941	13.227.099.255	5.819.091.289
Các loại thuế khác	6.795.906.054	442.590.313	6.500.000	7.231.996.367
Cộng	**19.724.582.445**	**10.099.338.075**	**15.992.409.679**	**13.831.510.841**

18. PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	***8.261.442.891***	***7.048.196.621***
Kinh phí công đoàn	319.945.267	345.863.468
Bảo hiểm xã hội	3.725.665	3.725.665
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.937.771.959	6.698.607.488
- Công ty CP tổng hợp Bắc Hà	*2.520.260.000*	*2.520.260.000*
- Tổng Công ty lâm nghiệp Việt nam	*2.308.943.601*	*2.308.943.601*
- Nguyễn Ngọc Tỳ	*185.779.028*	*185.779.028*
- Đối tượng khác	*2.922.789.330*	*1.683.624.859*
b) Dài hạn	***20.729.635.000***	***21.425.168.324***
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	20.729.635.000	21.425.168.324

UYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	*4.145.624.412*	*4.145.624.412*	*6.157.524.851*	*5.828.624.412*	*4.474.524.851*	*4.474.524.851*
Vay các tổ chức tín dụng	**2.528.624.412**	**2.528.624.412**	**3.457.524.851**	**2.528.624.412**	**3.457.524.851**	**3.457.524.851**
Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT Việt Nam - CN Mỹ Đình (i)	2.528.624.412	2.528.624.412	1.491.839.980	2.528.624.412	1.491.839.980	1.491.839.980
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Điện Biên Phủ (ii)	-	-	1.965.684.871	-	1.965.684.871	1.965.684.871
Vay cá nhân (iii)	**1.210.000.000**	**1.210.000.000**	**2.700.000.000**	**3.300.000.000**	**610.000.000**	**610.000.000**
Hoàng Đức Long	10.000.000	10.000.000	-	-	10.000.000	10.000.000
Phạm Văn Cường	100.000.000	100.000.000	-	-	100.000.000	100.000.000
Nguyễn thị Nhàn	500.000.000	500.000.000	-	-	500.000.000	500.000.000
Phạm Hồng Quỳnh	600.000.000	600.000.000	2.700.000.000	3.300.000.000	-	-
Vay ngắn hạn đối tượng khác	**407.000.000**	**407.000.000**	-	-	**407.000.000**	**407.000.000**

Ghi chú:

(i) Vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 1410-LAV-2016 ngày 5/10/2016 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh Mỹ Đình. Tổng hạn mức tín dụng được cấp là 5.000.000.000 VNĐ, thời hạn hiệu lực của hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, mục đích vay vốn để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, lãi suất được thoả thuận và quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ tương ứng với từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo là Các máy móc thiết bị của công ty tại Thị trấn Văn Điển, Thanh Trì theo hợp đồng thế chấp số 1410-LCL-201500414.

(ii) Vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 6869.16.081.33093.TD ngày 26/02/2016 của Ngân hàng Quân Đội- Chi nhánh Điện Biên Phủ. Tổng hạn mức tín dụng được cấp là 5.000.000.000 VNĐ, hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/01/2017, mục đích vay vốn để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2015-2016, lãi suất được thoả thuận và quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ tương ứng với từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo là quyền đòi nợ từ hợp đồng kinh tế số 06/2016/HĐMB/NVSRC-FORMACH ngày 01/04/2016 giữa Công ty CP Sửa chữa tàu biển Nosco- Vinalines và Công ty CP Formach.

(iii) Vay cá nhân là khoản vay các cá nhân trong công ty theo các hợp đồng vay vốn cá nhân. Thời hạn của các hợp đồng này là 31/12/2016, mục đích vay vốn là phục vụ cho các khoản chi của Formach, lãi suất từ 1% đến 1,5%. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Nguồn kinh phí	Tổng cộng
	VND			VND	VND
Số dư đầu năm trước	**13.044.600.000**	**1.587.517.659**	**(12.422.124.107)**	**382.500.000**	**2.592.493.552**
Lãi trong năm	-	-	(1.336.083.042)	-	(1.336.083.042)
Tăng khác	-	-	(1.380.296)	-	(1.380.296)
Số dư đầu năm nay	**13.044.600.000**	**1.587.517.659**	**(13.759.587.445)**	**382.500.000**	**1.255.030.214**
Lãi trong năm	-	-	8.105.931	-	8.105.931
Giảm khác	-	-	(5.542.704)	-	(5.542.704)
Số dư cuối năm nay	**13.044.600.000**	**1.587.517.659**	**(13.757.024.218)**	**382.500.000**	**1.257.593.441**

21. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	36.188.883.150	36.442.309.518
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.545.648.568	10.824.205.597
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**51.734.531.718**	**47.266.515.115**
Các khoản giảm trừ doanh thu	**43.440.000**	**40.505.777**
Trong đó:		
- Giảm giá hàng bán	43.440.000	40.505.777
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**51.691.091.718**	**47.226.009.338**

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	49.002.669.701	45.882.108.441
Cộng	**49.002.669.701**	**45.882.108.441**

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	166.034.776	1.033.123.868
Chi phí đồ dùng văn phòng	272.525	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.280.240	106.366.424
Thuế, phí và lệ phí	26.426.134	40.968.765
Chi phí dịch vụ mua ngoài	309.623.936	34.526.654
Chi phí dự phòng	483.580.014	269.811.465
Các khoản chi phí QLDN khác	970.439.985	-
Cộng	**1.963.657.610**	**1.484.797.176**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.239.096.524	13.124.220.223
Chi phí nhân công	8.721.289.697	9.444.980.545
Chi phí khấu hao tài sản cố định	994.882.029	604.547.918
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.159.846.875	21.250.320.252
Chi phí khác bằng tiền	182.553.416	94.510.285
Cộng	**52.297.668.541**	**44.518.579.223**

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	53.880.531	19.463.244
Cộng	**53.880.531**	**19.463.244**

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	624.965.097	88.873.986
Cộng	**624.965.097**	**88.873.986**

27. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập và các khoản vay của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	384.000.000	302.200.000

Số dư vay thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vay ngắn hạn ông Phạm Văn Cường	100.000.000	100.000.000

28. SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán.

Phạm Văn Cường	**Lê Thị Thu Loan**	**Hoàng Thị Thái Thanh**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

Hà Nội, ngày 09 tháng 12 năm 2017

M.S.D.N: 0100102809 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN FORMACH H.THANH TRÌ - TP.HÀ NỘI